

Bản án số: 10/2019/HS-ST

Ngày : 24-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Niê Y Ling (Ma Bin) và ông Dương Tấn Lãnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/HSST-QĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh năm 1980; tại Ninh B; Nơi cư trú: Buôn Z, xã Ea L, huyện SH, tỉnh PY; nghề nghiệp: Làm nông; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 8/12; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1948 và bà Phạm Thị K, sinh năm 1957; có vợ Vũ Thị B, sinh năm 1983 (đã ly hôn năm 2016) và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11-7-2019, bị TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước (huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên). Bị cáo bị dẫn giải. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Ông Bàn Tôn T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Buôn Z, xã Ea L, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt (có đơn xin đề nghị xử vắng mặt).

2. Ông Nay Y D (Ma L), sinh năm 1983, nơi cư trú: Buôn Z, xã Krông N, **huyện Krông P**, tỉnh Gia L. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1977, nơi cư trú: Buôn T, xã Ea B, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt (có đơn xin đề nghị xử vắng mặt).

2. Ông Bàn Tôn C, sinh năm 1984, nơi cư trú: Buôn Z, xã Ea L, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt (có đơn xin đề nghị xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

Bà Lê Thị Diễm T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn Tân Y, xã Ea L, huyện SH, tỉnh PY. Vắng mặt (có đơn xin đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 14-5-2019, sau khi nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. L đến rẫy mía ở buôn z, xã Ea L, huyện SH phát hiện xe mô tô 78R1-0698 của Bàn Tôn C (do Bàn Tôn T mượn đi để bên đường), xe không khóa, lợi dụng sơ hở L đến điều khiển xe chạy đến Buôn Trinh, xã Ea Bar, huyện Sông Hinh bán cho Nguyễn Đức T 700.000 đồng. Sau khi bán xe, L điện thoại cho Đ (không rõ tên, địa chỉ) ở tỉnh Đắk Lắk hẹn gặp để mua ma túy. Khoảng 13h30 cùng ngày, L đến ngã tư đường QL29 và đường Đông Trường Sơn thuộc thôn Tân Yên, xã Ea Ly, huyện Sông Hinh phát hiện xe mô tô 99F7-3229 của Y D để bên lề đường, xe không khóa, L tiếp tục trộm cắp xe điều khiển đến khu vực rừng bảo tồn, tỉnh Đắk Lắk, **L vớt xe ngoài đường vào gặp Đ mua 500.000 đồng ma túy để sử dụng, sử dụng xong quay ra không thấy xe, L sợ bị lộ nên bỏ trốn.** Ngày 02-6-2019, L đến Công an huyện Sông Hinh đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 04-6-2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Sông Hinh kết luận: Tại thời điểm trộm cắp: Xe mô tô 78R1-0698 trị giá 1.000.000 đồng và xe mô tô 99F7-3229 trị giá 1.300.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Hinh đã điều tra, thu hồi tài sản bị chiếm đoạt (xe mô tô 78R1-0698) trả lại cho bị hại Bàn Tôn C, còn xe mô tô 99F7-3229 chưa tìm được.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 20-8-2019 của VKSND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (**BLHS**).

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (**HĐXX**) tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn L 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận, theo đó bị cáo L phải trả lại giá trị xe cho ông Nay Y D 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bị hại Bàn Tôn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy có thiệt hại nhưng không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xét.

** Ý kiến của bị cáo:*

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo thừa nhận trộm 02 xe

mô tô (xe của ông T và xe ông Y D). Nếu có yêu cầu thì bị cáo xin trả giá trị xe bằng tiền. Chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bị hại Nay Y D là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

** Ý kiến của những bị hại:* Theo đơn báo cáo, trình bày trước phiên tòa và các biên bản ghi lời khai trình bày:

1. Ông Nay Y D (Ma L), bị mất 01 xe mô tô 99F7-3229 chưa tìm thấy, yêu cầu bị cáo bồi thường 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2. Ông Bàn Tôn T, là người mượn xe của Bàn Tôn C để đi làm thuê và bị mất (cụ thể là xe mô tô biển số 78R1-0698), Bàn Tôn C đã nhận xe. Không có yêu cầu bồi thường, về hình phạt đề nghị xử theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Theo đơn và các biên bản ghi lời khai trình bày:

1. Ông Nguyễn Đức T, người mua xe mô tô 78R1-0698, sau khi bị phát hiện ông T đã giao nộp tài sản đã mua, có thiệt hại 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) nhưng ông T không yêu cầu bị cáo L hoàn trả tiền.

2. Ông Bàn Tôn C, là người đứng tên chủ sở hữu xe mô tô 78R1-0698 cho em trai là Bàn Tôn T mượn xe để đi làm thuê, ông C đã nhận xe lại, không có yêu cầu gì.

Đối với Nguyễn Đức T, có hành vi mua xe, nhưng không biết tài sản do trộm cắp mà có, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên, kiểm sát viên, người đại diện hợp pháp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Bị cáo, những bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

** Về tư cách tham gia tố tụng của Bàn Tôn T và Bàn Tôn C:* Mặc dù theo thông báo tố giác tội phạm, giấy chứng nhận đăng ký mô tô, biên bản giao nhận trả lại xe... đều xác định Bàn Tôn C là bị hại. Tuy nhiên, theo bản tự khai của Bàn Tôn T thì Bàn Tôn T từ tỉnh Cao Bằng đến huyện Sông Hình nhập khẩu vào hộ của anh trai là Bàn Tôn C để làm ăn, sinh sống và khoảng 06 giờ 30' sáng ngày 14-5-2019 mượn xe ông C đi chặt mía thuê thì đến 10 giờ 30' cùng ngày sau khi đi làm về phát hiện mất xe, Bàn Tôn T điện thoại báo cho ông C. Do vậy, tại thời điểm mất xe Bàn Tôn T là người quản lý, sử dụng xe, nên HĐXX xác định lại bị hại trong vụ án là Bàn Tôn T.

* Xe mô tô biển số 99F7-3229 do ông Nguyễn Văn B, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: VD, Quế V, Bắc N đứng tên nhưng đã bán cho Nay Y D, do vậy xác định ông Nay Y D là bị hại trong vụ án (thể hiện tại bút lục số 28, 35, 36, 37, 38).

* Việc bị hại (Bàn Tôn T), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được tổng đạt hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo thủ tục tố tụng hình sự thì không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án nên HĐXX quyết định tiếp tục xét xử.

[2] Về tội danh: Phạm Văn L vào quán nước của bà T uống nước, mục đích để lén lút trộm xe mô tô 78R1-0698 của ông Bàn Tôn T đang gửi tại quán, rồi đưa xe đến bán cho ông T, bán xong đến ngã tư đường QL29 và đường Đông Trường Sơn thuộc thôn Tân Yên, xã Ea Ly trộm tiếp xe mô tô 99F7-3229 của Nay Y D. Tổng giá trị tài sản được định lượng là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo L phạm tội trong khi đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 12-11-2018 (*hành vi này đã bị xét xử tại bản án số 08/2019/HSST ngày 11-7-2019 của TAND huyện Sông Hinh, với mức án 06 (sáu) tháng tù, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước*) trong thời gian chờ ngày ra tòa thì ngày 14-5-2019 tiếp tục phạm tội, tuy sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nhưng không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì phạm tội không phải lần đầu, chỉ xem xét bị cáo thật thà khai báo và đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Hướng xử lý: Bị cáo L là đối tượng nghiện ma túy, sống lang thang, tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng trong thời gian tại ngoại chờ xét xử đã không chấp hành thời gian ra tòa của vụ án phạm tội ngày 12-11-2018, bị cáo lần trốn ở cửa khẩu Bờ Y, (huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kom Tum) và tiếp tục phạm tội.

Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian với hình phạt phù hợp để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với Nguyễn Đức T có hành vi mua xe với giá 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, tại các chứng cứ, chứng minh Nguyễn Đức T không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự là đúng với quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị cáo và bị hại Nay Y D đã thỏa thuận về việc bồi thường, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại Nay Y D, theo đó bị cáo phải bồi thường giá trị xe mô tô 99F7-3229 bằng tiền cho bị hại ông Nay Y D là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) vì xe chưa tìm thấy.

Bị hại Bàn Tôn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bàn Tôn C, Nguyễn Đức T), tuy có bị thiệt hại nhưng không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L **06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

*Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận, theo đó bị cáo Phạm Văn L phải bồi thường cho ông Nay Y D (Ma L) 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) về khoản bồi thường thiệt hại xe mô tô biển số 99F7-3229.

*Về án phí: Bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an, VKSND H.Sông Hinh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS H. Sông Hinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Châu Kha